

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(đã được soát xét)

M.S.D.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-38
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-38



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng số 12 thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam) theo Quyết định số 358/QĐ-BXD ngày 31/03/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101446753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 18 tháng 05 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Tới	Chủ tịch	
Ông Lê Phùng Hòa	Ủy viên	
Ông Bùi Tuấn Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/03/2021
Ông Dương Văn Mậu	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/03/2021
Ông Nguyễn Tiến Quân	Ủy viên	
Ông Vũ Mạnh Hùng	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 24/03/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Phùng Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14/05/2021
Ông Nguyễn Tiến Quân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Chí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Viết Đô	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Trưởng ban
Ông Chu Quang Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Phùng Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 được lập ngày 05 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		553.199.943.472	629.953.168.358
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	27.977.877.674	39.049.946.543
111	1. Tiền		18.515.521.510	3.878.493.379
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.462.356.164	35.171.453.164
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.522.000.000	1.307.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.522.000.000	1.307.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		459.037.441.629	465.452.534.653
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	193.386.530.684	235.039.828.109
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	67.166.466.409	72.279.071.452
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	5.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	240.473.871.153	194.033.172.985
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(41.989.426.617)	(40.899.537.893)
140	IV. Hàng tồn kho	9	63.483.892.951	119.945.635.757
141	1. Hàng tồn kho		63.483.892.951	119.945.635.757
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		178.731.218	4.198.051.405
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	16.500.000	7.500.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		162.231.218	4.190.551.405
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		55.293.479.823	55.894.053.622
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.766.066.965	5.771.042.965
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.766.066.965	5.771.042.965
220	II. Tài sản cố định		17.072.550.232	17.308.043.485
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	11.266.800.310	11.429.265.262
222	- Nguyên giá		69.378.522.494	68.714.972.314
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(58.111.722.184)	(57.285.707.052)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.805.749.922	5.878.778.223
228	- Nguyên giá		6.718.603.684	6.718.603.684
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(912.853.762)	(839.825.461)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	24.103.173.153	24.684.927.170
231	- Nguyên giá		32.120.393.036	32.120.393.036
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.017.219.883)	(7.435.465.866)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.100.000.000	5.100.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.100.000.000	5.100.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.251.689.473	3.030.040.002
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.251.689.473	3.030.040.002
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		608.493.423.295	685.847.221.980

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

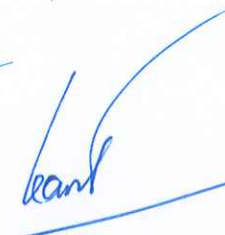
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		522.078.047.074	596.615.503.320
310	I. Nợ ngắn hạn		514.581.334.244	588.652.033.504
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	143.024.214.369	203.404.349.650
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	157.596.498.256	195.738.138.037
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.086.389.418	1.357.085.246
314	4. Phải trả người lao động		3.589.971.646	4.141.076.550
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	71.481.759.375	33.113.644.173
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	933.513.972	933.513.972
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	81.084.665.278	73.046.076.603
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	49.930.910.946	72.098.000.839
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.853.410.984	4.820.148.434
330	II. Nợ dài hạn		7.496.712.830	7.963.469.816
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	7.496.712.830	7.963.469.816
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		86.415.376.221	89.231.718.660
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	86.415.376.221	89.231.718.660
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		58.180.000.000	58.180.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		58.180.000.000	58.180.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.450.293.250	5.450.293.250
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		17.972.667.153	17.972.667.153
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.812.415.818	7.628.758.257
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		647.158.257	(2.176.833.292)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		4.165.257.561	9.805.591.549
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		608.493.423.295	685.847.221.980



Vũ Nam Hà
Người lập



Lê Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Lê Phùng Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	314.796.025.741	245.701.691.076
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		314.796.025.741	245.701.691.076
11	4. Giá vốn hàng bán	23	298.351.263.654	229.412.546.955
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.444.762.087	16.289.144.121
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.303.208.963	4.103.847.106
22	7. Chi phí tài chính	25	2.827.143.364	4.464.646.952
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.827.143.364	4.464.646.952
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.049.218.546	8.666.054.360
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.871.609.140	7.262.289.915
31	11. Thu nhập khác	27	145.909.091	716.997.143
32	12. Chi phí khác		9.407.024	407.091.301
40	13. Lợi nhuận khác		136.502.067	309.905.842
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.008.111.207	7.572.195.757
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	842.853.646	1.132.267.900
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.165.257.561	6.439.927.857
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29		1.107



Vũ Nam Hà
Người lập

Lê Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Lê Phùng Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2021



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.008.111.207	7.572.195.757
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.046.384.307	2.287.660.271
03	- Các khoản dự phòng		1.089.888.724	527.105.193
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.449.118.054)	(4.159.483.470)
06	- Chi phí lãi vay		2.827.143.364	4.464.646.952
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.522.409.548	10.692.124.703
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.956.417.154	64.512.532.188
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		56.461.742.806	(40.031.800.342)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(57.689.972.908)	(138.482.930.496)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(230.649.471)	(125.992.871)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.401.784.746)	(4.174.416.534)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(963.468.259)	(3.018.137.369)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(966.737.450)	(73.826.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.687.956.674	(110.702.446.721)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.229.137.037)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		145.909.091	55.636.364
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.215.000.000)	(48.812.598.800)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	60.546.995.110
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.705.292.296	2.224.387.952
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.407.064.350	14.014.420.626
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		49.930.910.946	99.862.323.239
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(72.098.000.839)	(112.101.182.697)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(22.167.089.893)	(12.238.859.458)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(11.072.068.869)	(108.926.885.553)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		39.049.946.543	121.073.767.636
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>27.977.877.674</u>	<u>12.146.882.083</u>



Vũ Nam Hà
Người lập

Lê Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Lê Phùng Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng số 12 thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam) theo Quyết định số 358/QĐ-BXD ngày 31/03/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101446753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 18 tháng 05 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 58.180.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 58.180.000.000 đồng; tương đương 5.818.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 184 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 191 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, kinh doanh và phát triển nhà;
- Sản xuất, lắp đặt cửa kính khung nhôm;
- Xây dựng các công trình hệ thống xử lý nước thải, các công trình thông tin, viễn thông, các công trình cấp thoát nước;
- Thi công san lấp móng, xử lý nền đất yếu;
- Xây dựng đường bộ, cầu, cảng, các công trình thủy lợi;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220KV, xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lắp đặt các loại kết cấu kiện bê tông, kết cấu thép; các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị như: thang máy, điều hòa không khí, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước;
- Lắp đặt các loại thiết bị cơ điện, điện lạnh, nước và các thiết bị dùng trong xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Khai thác và chế biến các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm: đá, cát, sỏi, đất, gạch, ngói, xi măng, tấm lợp, kính, nhựa đường và các loại vật liệu trong xây dựng công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Và một số hoạt động khác.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 - Hà Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 - Phía Nam

Địa chỉ

Hà Nam

Ninh Thuận

Hoạt động kinh doanh chính

Khai thác khoáng sản đá vôi

Xây lắp

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 năm |
| - Tài sản cố định khác | 05-07 năm |
| - Quyền sử dụng đất có thời hạn | 46 năm |

2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|--------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 46 năm |

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; Bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, hoạt động kinh doanh bất động sản và các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
· Tiền mặt	159.682.255	367.103.527
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.355.839.255	3.511.389.852
Các khoản tương đương tiền	9.462.356.164	35.171.453.164
	<u><u>27.977.877.674</u></u>	<u><u>39.049.946.543</u></u>

Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng đến 02 tháng có giá trị 9.462.356.164 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 3,2%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30/06/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	2.522.000.000	-	1.307.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.522.000.000	-	1.307.000.000	-
	<u><u>2.522.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.307.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

Tại ngày 30/06/2021, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với giá trị 2.522.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,9%/năm.

Tại ngày 30/06/2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với giá trị 1.215.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn từ ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 20).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng 504 - Vinaconex	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-
	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động Nam Định	Tỷ lệ lợi ích 42,50%	Tỷ lệ biểu quyết 42,50%	Hoạt động kinh doanh chính Xây lắp và kinh doanh vật liệu xây dựng
- Công ty Cổ phần Xây dựng 504 - Vinaconex				

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	88.510.041.267	-	93.488.670.739	-
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị An Thịnh	11.720.855.355	-	28.334.204.377	-
Phải thu khách hàng khác	93.155.634.062	(25.524.656.616)	113.216.952.993	(24.434.767.891)
	193.386.530.684	(25.524.656.616)	235.039.828.109	(24.434.767.891)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	92.022.256.556	-	94.971.365.576	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và dịch vụ Hoàn Mỹ	13.692.933.042	-	13.692.933.042	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gia Phúc Hưng	26.719.067.941	-	27.101.082.332	-
Trả trước cho người bán khác	26.754.465.426	(1.373.056.452)	31.485.056.078	(1.373.056.452)
	67.166.466.409	(1.373.056.452)	72.279.071.452	(1.373.056.452)
b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	104.873.710	-	50.358.334	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân-Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.050.292.643	-	4.452.375.976	-
- Tạm ứng (1)	235.564.199.488	(14.727.600.462)	189.216.683.922	(14.727.600.462)
- Ký cược, ký quỹ	495.265.935	-	-	-
- Phải thu khác	364.113.087	(364.113.087)	364.113.087	(364.113.088)
	240.473.871.153	(15.091.713.549)	194.033.172.985	(15.091.713.550)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	766.066.965	-	771.042.965	-
- Hợp tác đầu tư dự án bất động sản (2)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
	5.766.066.965	-	5.771.042.965	-

(1) Chủ yếu là các khoản tạm ứng cho các chủ nhiệm công trình của Công ty dựa trên hợp đồng giao khoán ký giữa chủ nhiệm và Công ty hoặc các quyết định giao nhiệm vụ liên quan đến các công trình xây dựng do Công ty là nhà thầu thực hiện. Các khoản phải thu này sẽ được chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khi các chi phí phát sinh có đủ chứng từ hợp lệ và được Công ty phê duyệt.

(2) Đây là khoản tiền góp vốn ban đầu cho việc hợp tác đầu tư bất động sản giữa Công ty và các đối tác theo thỏa thuận số 085 ngày 03/04/2018. Theo đó, trong tương lai khi bắt đầu triển khai dự án, các thành viên của liên danh này sẽ thành lập một ban quản lý dự án để làm chủ đầu tư của dự án này, tỷ lệ vốn góp cũng như tỷ lệ phân chia lợi nhuận và rủi ro của Công ty là 20%. Đến thời điểm 30/06/2021, chưa thành lập Ban quản lý dự án này, các bên mới đạt được thỏa thuận thông qua kế hoạch lựa chọn các gói thầu tư vấn phục vụ công tác lập quy hoạch chi tiết 1/500 cho dự án, tổng số tiền giai đoạn tư vấn này là 15.000.000.000 đồng.

c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)*

57.450.292.643	-	47.852.375.976	-
-----------------------	----------	-----------------------	----------

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

8 . NỢ XẤU

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm Vinavico	12.317.622.096	-	12.317.622.096	1.089.888.723
- Lê Phúc Vũ	6.678.181.534	-	6.678.181.534	-
- Các đối tượng khác	23.004.343.687	10.720.700	23.004.343.686	10.720.700
	42.000.147.317	10.720.700	42.000.147.316	1.100.609.423

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.621.070.067	-	7.234.189.486	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	54.147.123.034	-	110.995.746.421	-
Thành phẩm bất động sản	1.715.699.850	-	1.715.699.850	-
	63.483.892.951	-	119.945.635.757	-

(*) Chi tiết các công trình đang thi công dở dang:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trường Đại học Việt Đức - Bình Dương	11.583.988.579	21.132.127.414
Hạ tầng khu tái định cư dự án Sài Gòn Safari	18.467.179.345	18.370.172.156
Công trình Tòa án nhân dân Hà Nội	-	30.807.345.984
Các công trình khác	24.095.955.110	40.686.100.867
	54.147.123.034	110.995.746.421

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Bảo cáo tài chính giữa niên độ

Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	10.211.706.546	47.136.992.198	10.388.578.555	88.000.000	889.695.015	68.714.972.314						
- Mua trong kỳ	-	-	1.229.137.037	-	-	1.229.137.037						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(565.586.857)	-	-	(565.586.857)						
Số dư cuối kỳ	10.211.706.546	47.136.992.198	11.052.128.735	88.000.000	889.695.015	69.378.522.494						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	3.399.091.908	43.272.364.985	9.817.042.646	43.533.333	753.674.180	57.285.707.052						
- Khấu hao trong kỳ	219.208.885	922.945.085	186.223.019	4.600.000	58.625.000	1.391.601.989						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(565.586.857)	-	-	(565.586.857)						
Số dư cuối kỳ	3.618.300.793	44.195.310.070	9.437.678.808	48.133.333	812.299.180	58.111.722.184						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	6.812.614.638	3.864.627.213	571.535.909	44.466.667	136.020.835	11.429.265.262						
Tại ngày cuối kỳ	6.593.405.753	2.941.682.128	1.614.449.927	39.866.667	77.395.835	11.266.800.310						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 793.043.045 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 44.534.176.556 đồng.

11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất thuộc diện tích xây dựng Tòa nhà văn phòng tại số 57 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 30/06/2021 lần lượt là 6.718.603.684 đồng và 912.853.762 đồng. Khấu hao trong kỳ là 73.028.301 đồng. Quyền sử dụng đất này đã được sử dụng để thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.643.040.051	25.477.352.985	32.120.393.036
Số dư cuối kỳ	<u>6.643.040.051</u>	<u>25.477.352.985</u>	<u>32.120.393.036</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	830.380.006	6.605.085.860	7.435.465.866
- Khấu hao trong kỳ	72.206.957	509.547.060	581.754.017
Số dư cuối kỳ	<u>902.586.963</u>	<u>7.114.632.920</u>	<u>8.017.219.883</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	5.812.660.045	18.872.267.125	24.684.927.170
Tại ngày cuối kỳ	<u>5.740.453.088</u>	<u>18.362.720.065</u>	<u>24.103.173.153</u>

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng chi nhánh phía Nam	16.500.000	7.500.000
	<u>16.500.000</u>	<u>7.500.000</u>
b) Dài hạn		
Trả trước mua quyền khai thác mỏ đá vôi (*)	2.805.957.844	2.563.992.721
Chi phí trả trước dài hạn khác	445.731.629	466.047.281
	<u>3.251.689.473</u>	<u>3.030.040.002</u>

(*) Chi phí trả trước về quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 - Hà Nam tại mỏ T3, T4 núi Ông Cụt, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam mà Công ty chi trả theo thông báo của Cục thuế địa phương trong 8 năm kể từ năm 2016. Chi phí này thay đổi hàng năm do Cục thuế có điều chỉnh đơn giá tính hàng năm trên thông báo. Chi phí được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tương ứng thời gian khai thác là 16 năm theo thời gian hoạt động của mỏ đá vôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải	20.360.000.000	20.360.000.000	19.095.257.000	19.095.257.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển Việt Tiếp	12.915.381.725	12.915.381.725	9.829.261.100	9.829.261.100
Công ty TNHH Nhà thép Trĩ Việt	11.263.159.912	11.263.159.912	7.956.605.475	7.956.605.475
Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư thương mại số 6	11.578.375.155	11.578.375.155	21.243.726.195	21.243.726.195
Phải trả các đối tượng khác	86.907.297.577	86.907.297.577	145.279.499.880	145.279.499.880
	143.024.214.369	143.024.214.369	203.404.349.650	203.404.349.650
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	7.439.091.050	7.439.091.050	9.356.714.711	9.356.714.711

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)***15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình huyện Củ Chi	32.703.469.000	32.703.469.000
Ban quản lý Đầu tư và xây dựng thủy lợi 7	17.600.000.000	17.600.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	68.363.078.000	61.870.067.972
Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	15.000.000.000	15.000.000.000
Người mua khác trả tiền trước	23.929.951.256	68.564.601.065
	157.596.498.256	195.738.138.037
b) Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	68.363.078.000	69.176.114.542

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	177.455.804	8.809.636.787	6.515.057.208	-	2.472.035.383	-	2.472.035.383	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	377.306.575	842.853.646	963.468.259	-	256.691.962	-	256.691.962	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	255.653.367	177.300.448	385.291.742	-	47.662.073	-	47.662.073	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	352.690.000	350.000.000	502.690.000	-	200.000.000	-	200.000.000	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	96.392.726	96.392.726	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	193.979.500	192.500.000	276.479.500	-	110.000.000	-	110.000.000	-	-	-	-
	-	1.357.085.246	10.473.683.607	8.744.379.435	-	3.086.389.418	-	3.086.389.418	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Chi phí lãi vay	285.429.972	860.071.354		
- Trích trước chi phí văn phòng Công ty	67.684.331	131.475.726		
- Trích trước chi phí công trình 93 Láng Hạ	20.689.487.780	-		
- Trích trước chi phí công trình Đường vành đai 3 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	9.444.885.941	-		
- Trích trước chi phí công trình gói thầu 01 Cải tạo tuyến ống DMA K4/4B và K4/242	11.266.957.096	-		
- Trích trước chi phí các công trình xây lắp khác	29.727.314.255	32.122.097.093		
	71.481.759.375	33.113.644.173		
b) Trong đó: Chi phí phải trả với bên liên quan	184.705.789	729.452.055		

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê văn phòng (*)	933.513.972	933.513.972
	933.513.972	933.513.972
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê văn phòng (*)	7.496.712.830	7.963.469.816
	7.496.712.830	7.963.469.816

(*) Doanh thu chưa thực hiện thể hiện tổng số tiền đã nhận được từ hợp đồng số 05/2014/HĐTVP/VC12-TJC ngày 29/11/2014 về việc cho thuê toàn bộ diện tích sử dụng từ tầng 1 đến tầng 5, tòa nhà văn phòng tại số 57 Vũ Trọng Phụng, thời hạn cho thuê đến ngày 20/02/2063 và hợp đồng số 2210/HĐ/VC12 ngày 22/10/2016 về việc cho thuê tầng 16 tòa nhà chung cư tại số 57 Vũ Trọng Phụng, thời hạn cho thuê đến hết ngày 20/02/2063.

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	133.435.380	132.931.500
- Bảo hiểm xã hội	278.991.063	-
- Bảo hiểm y tế	49.233.717	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	21.881.652	-
- Phải trả về cổ phần hoá	37.310.000	37.310.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.233.631.565	252.031.565
- Phải trả các tổ đội thi công (1)	25.391.985.885	22.555.465.856
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (2)	23.065.801.891	23.975.261.557
- Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 2 (3)	20.942.957.500	20.163.639.500
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tùng Khánh	2.828.316.000	4.828.316.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.101.120.625	1.101.120.625
	81.084.665.278	73.046.076.603
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	26.048.103.227	24.444.186.893

(1) Khoản phải trả các tổ đội thi công của Công ty liên quan đến chi phí thi công các công trình xây lắp.

(2) Trong đó bao gồm 22.906.409.181 đồng là khoản tiền Công ty nhận tạm ứng từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Tổng Công ty) - Nhà thầu chính cho dự án Khu đô thị mới Bắc An Khánh theo Phụ lục hợp đồng số 05/PL của Hợp đồng thi công số 0376/2010/HĐ-XD ngày 08/10/2010. Khoản tạm ứng này có lãi suất 6,3%/năm. Công ty có nghĩa vụ hoàn trả cho Tổng Công ty (cả gốc và lãi) trong vòng 18 tháng kể từ ngày nhận được tiền tạm ứng hoặc được bù trừ công nợ tại bất kỳ khoản nợ đến hạn nào mà Tổng Công ty phải thanh toán cho Công ty (gồm nguồn tiền Dự án Bắc An Khánh và/hoặc nguồn tiền thanh toán khối lượng tại các hợp đồng khác hai bên đã ký kết), tùy thuộc vào điều kiện nào đến trước. Ban Tổng Giám đốc Công ty dự kiến sẽ hoàn trả và/hoặc bù trừ công nợ cho khoản nhận tạm ứng này trong vòng 12 tháng tới. Theo phụ lục số 11/PL ngày 25 tháng 09 năm 2019, Công ty không phải trả lãi cho Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

(3) Khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 2 liên quan đến Công trình sông Chờ, do Công ty với vai trò là chủ liên danh đứng ra thu hộ tiền từ chủ đầu tư rồi thanh toán cho bên còn lại trong liên danh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12

Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

20 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (1)	7.502.882.035	7.502.882.035	5.661.734.360	7.502.882.035	5.661.734.360	5.661.734.360
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (2)	37.663.118.804	37.663.118.804	42.168.176.586	37.663.118.804	42.168.176.586	42.168.176.586
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-	-
- Ông Trần Hồng Tuyền (3)	1.667.000.000	1.667.000.000	1.813.000.000	1.667.000.000	1.813.000.000	1.813.000.000
- Ông Nguyễn Tiến Dũng (4)	265.000.000	265.000.000	288.000.000	265.000.000	288.000.000	288.000.000
	72.098.000.839	72.098.000.839	49.930.910.946	72.098.000.839	49.930.910.946	49.930.910.946

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 44869.20.056.22617.TD ngày 08/09/2020 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 495.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây lắp và sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm của khách hàng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến ngày 25/08/2021;
 - + Lãi suất cho vay: áp dụng cho từng lần giải ngân theo quy định tại từng kế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 5.661.734.360 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: quyền đòi nợ và quyền được thanh toán từ giá trị sản lượng dở dang từ các công trình Ngân hàng tài trợ.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/161828/HĐTD ngày 24 tháng 09 năm 2020 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 42.168.176.586 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: theo các Hợp đồng đảm bảo được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng mà điều khoản về Phạm vi bảo đảm của Hợp đồng đảm bảo bao gồm Hợp đồng này.
- (3) Hợp đồng vay vốn kiêm giấy nhận nợ ngày 01/01/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.813.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: vay vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 7%/ năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.813.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.
- (4) Hợp đồng vay vốn kiêm giấy nhận nợ ngày 01/01/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 288.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: vay vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 7%/ năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 288.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

Các khoản vay đối với các bên liên quan

	30/06/2021		01/01/2021	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (*)	-	184.705.789	25.000.000.000	729.452.055
	<u>-</u>	<u>184.705.789</u>	<u>25.000.000.000</u>	<u>729.452.055</u>

(*) Mỗi quan hệ: Công ty là công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	58.180.000.000	5.450.293.250	17.972.667.153	8.894.172.142	90.497.132.545
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	6.439.927.857	6.439.927.857
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(7.975.600.000)	(7.975.600.000)
Số dư cuối kỳ trước	58.180.000.000	5.450.293.250	17.972.667.153	7.358.499.999	88.961.460.402
Số dư đầu năm nay	58.180.000.000	5.450.293.250	17.972.667.153	7.628.758.257	89.231.718.660
Lãi trong kỳ này	-	-	-	4.165.257.561	4.165.257.561
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(6.981.600.000)	(6.981.600.000)
Số dư cuối kỳ này	58.180.000.000	5.450.293.250	17.972.667.153	4.812.415.818	86.415.376.221

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	7.628.758.257	36,00%	20.944.800.000	36,00%
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	91,52%	6.981.600.000	14,18%	8.250.490.000	14,18%
Lợi nhuận chưa phân phối	8,48%	647.158.257	10,71%	6.228.000.000	10,71%
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu					
		Cuối kỳ VND			
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		20.944.800.000	36,00%	20.944.800.000	36,00%
Ông Nguyễn Hữu Tới		8.250.490.000	14,18%	8.250.490.000	14,18%
Bà Đình Thị Hằng		6.228.000.000	10,71%	6.228.000.000	10,71%
Ông Lê Phùng Hòa		11.550.000.000	19,85%	11.550.000.000	19,85%
Các cổ đông khác		11.206.710.000	19,26%	11.206.710.000	19,26%
		58.180.000.000	100%	58.180.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.180.000.000	58.180.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	58.180.000.000	58.180.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	58.180.000.000	58.180.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	252.031.565	334.190.525
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	6.981.600.000	6.981.600.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	6.981.600.000	6.981.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	7.233.631.565	7.315.790.525
d) Cổ phiếu		
	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.818.000	5.818.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.818.000	5.818.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.818.000	5.818.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.818.000	5.818.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.818.000	5.818.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.972.667.153	17.972.667.153
	17.972.667.153	17.972.667.153
22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.923.668.210	2.664.916.802
Doanh thu hợp đồng xây lắp	308.640.398.212	238.005.833.137
Doanh thu khác	3.231.959.319	5.030.941.137
	314.796.025.741	245.701.691.076
	244.306.826.315	160.809.514.614
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)		
23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.931.810.227	2.008.039.159
Giá vốn hợp đồng xây lắp	292.672.215.312	222.779.557.583
Giá vốn hoạt động khác	3.747.238.115	4.624.950.213
	298.351.263.654	229.412.546.955
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	24.399.058.028	170.977.216
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	499.958.963	3.300.597.106
Cổ tức, lợi nhuận được chia	803.250.000	803.250.000
	1.303.208.963	4.103.847.106
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	843.875.000	3.192.000.000

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.827.143.364	4.464.646.952
	2.827.143.364	4.464.646.952
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	647.034.556	2.526.736.241

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.222.119	215.792.377
Chi phí nhân công	7.461.146.940	6.037.283.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	366.647.172	289.426.107
Thuế, phí, lệ phí	9.039.000	9.039.000
Chi phí dự phòng	1.089.888.724	786.636.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	801.642.355	1.147.419.899
Chi phí khác bằng tiền	69.632.236	180.456.797
	10.049.218.546	8.666.054.360

27 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	145.909.091	55.636.364
Hoàn nhập dự phòng bảo hành bán chung cư	-	259.531.179
Thu nhập khác	-	401.829.600
	145.909.091	716.997.143

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.008.111.207	7.572.195.757
Các khoản điều chỉnh tăng	9.407.024	467.135.191
- Chi phí không hợp lệ	9.407.024	467.135.191
Các khoản điều chỉnh giảm	(803.250.000)	(1.205.079.600)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(803.250.000)	(803.250.000)
- Thu nhập từ xóa nợ phải trả	-	(401.829.600)
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.214.268.231	6.834.251.348
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	842.853.646	1.366.850.270
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này do ảnh hưởng của Nghị định 20/2017/NĐ-CP và Nghị định 68/2020/NĐ-CP	-	(234.582.370)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	15.138.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	377.306.575	2.960.185.336
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(963.468.259)	(3.018.137.369)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	256.691.962	1.089.454.806

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.165.257.561	6.439.927.857
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.165.257.561	6.439.927.857
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.818.000	5.818.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	716	1.107

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.960.992.150	141.861.839.492
Chi phí nhân công	36.292.714.239	31.195.669.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.046.384.307	2.287.660.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	140.161.879.393	101.216.900.820
	<u>250.461.970.089</u>	<u>276.562.069.903</u>

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.977.877.674	-	39.049.946.543	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	439.626.468.802	(40.616.370.165)	434.844.044.059	(39.526.481.441)
Các khoản cho vay	2.522.000.000	-	6.307.000.000	-
	<u>470.126.346.476</u>	<u>(40.616.370.165)</u>	<u>480.200.990.602</u>	<u>(39.526.481.441)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	49.930.910.946	72.098.000.839
Phải trả người bán, phải trả khác	224.108.879.647	276.450.426.253
Chi phí phải trả	71.481.759.375	33.113.644.173
	<u>345.521.549.968</u>	<u>381.662.071.265</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.977.877.674	-	-	27.977.877.674
Phải thu khách hàng, phải thu khác	393.244.031.672	5.766.066.965	-	399.010.098.637
Các khoản cho vay	2.522.000.000	-	-	2.522.000.000
	423.743.909.346	5.766.066.965	-	429.509.976.311
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.049.946.543	-	-	39.049.946.543
Phải thu khách hàng, phải thu khác	389.546.519.653	5.771.042.965	-	395.317.562.618
Các khoản cho vay	6.307.000.000	-	-	6.307.000.000
	434.903.466.196	5.771.042.965	-	440.674.509.161

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Vay và nợ	49.930.910.946	-	-	49.930.910.946
Phải trả người bán, phải trả khác	224.108.879.647	-	-	224.108.879.647
Chi phí phải trả	71.481.759.375	-	-	71.481.759.375
	345.521.549.968	-	-	345.521.549.968
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	72.098.000.839	-	-	72.098.000.839
Phải trả người bán, phải trả khác	276.450.426.253	-	-	276.450.426.253
Chi phí phải trả	33.113.644.173	-	-	33.113.644.173
	381.662.071.265	-	-	381.662.071.265

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Tổng Công ty)	Công ty là công ty liên kết của Tổng Công ty
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị Vinaconex (VINAHUD)	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xây dựng 504 - Vinaconex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần VIMECO	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Bất động sản Vinaconex	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần VIWACO	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại	Công ty con của Công ty Cổ phần VIMECO
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Công ty liên kết của Tổng Công ty
Ông Nguyễn Hữu Tới	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Phùng Hòa	Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Quân	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Anh	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Vũ Chí Dũng	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Bán hàng	244.306.826.315	160.809.514.614
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	225.863.459.189	151.858.075.523
Công ty Cổ phần VIWACO	18.443.367.126	8.951.439.091
Mua hàng hóa, dịch vụ	24.399.058.028	170.977.216
Công ty Cổ phần VIWACO	95.289.170	152.795.398
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	18.357.122.495	18.181.818
Công ty Cổ phần VIMECO	5.946.646.363	-
Lãi vay vốn	647.034.556	2.526.736.241
Công ty Cổ phần VIWACO	-	1.532.513.889
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	647.034.556	994.222.352
Nhận cổ tức	803.250.000	803.250.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 504 - Vinaconex	803.250.000	803.250.000
Lãi cho vay	40.625.000	2.388.750.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	-	2.199.166.666
Công ty Cổ phần Bất động sản Vinaconex	40.625.000	189.583.334

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	92.022.256.556	94.971.365.576
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	88.510.041.267	93.488.670.739
Công ty Cổ phần VIWACO	2.029.520.452	-
Công ty Cổ phần VIMECO	1.482.694.837	1.482.694.837
Ứng trước cho nhà cung cấp ngắn hạn	104.873.710	50.358.334
Công ty Cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại	50.358.334	50.358.334
Công ty Cổ phần VIWACO	54.515.376	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Vinaconex	-	5.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	57.450.292.643	47.852.375.976
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	4.050.292.643	4.050.292.643
Công ty Cổ phần Bất động sản Vinaconex	-	402.083.333
Ông Nguyễn Tiến Quân	45.000.000.000	35.000.000.000
Ông Bùi Tuấn Anh	8.400.000.000	8.400.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	7.439.091.050	9.356.714.711
Công ty Cổ phần VIMECO	7.439.091.050	9.356.714.711
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	68.363.078.000	69.176.114.542
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	68.363.078.000	61.870.067.972
Công ty Cổ phần VIWACO	-	7.306.046.570
Chi phí phải trả ngắn hạn	184.705.789	729.452.055
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	184.705.789	729.452.055

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	26.048.103.227	24.444.186.893
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.579.177.891	23.975.261.557
Ông Vũ Chí Dũng	468.925.336	468.925.336
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và người quản lý khác của Công ty	1.223.040.000	1.263.040.000
Ông Nguyễn Hữu Tới - Chủ tịch Hội đồng quản trị	290.720.000	270.720.000
Ông Lê Phùng Hòa - Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	260.640.000	240.640.000
Ông Bùi Tuấn Anh - Nguyên ủy viên Hội đồng quản trị	-	60.000.000
Ông Dương Văn Mậu - Nguyên ủy viên Hội đồng quản trị	-	60.000.000
Ông Nguyễn Tiến Quân - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	230.560.000	210.560.000
Ông Vũ Mạnh Hùng - Ủy viên Hội đồng quản trị	20.000.000	-
Ông Vũ Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc	210.560.000	210.560.000
Ông Vũ Viết Đô - Phó Tổng Giám đốc	210.560.000	210.560.000
Thu nhập của các thành viên trong Ban kiểm soát của Công ty	95.200.000	255.440.000

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 khi lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Căn cứ trên các thông báo nộp tiền sử dụng đất và tiền chậm nộp của Chi cục thuế quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền chậm nộp với số tiền 3.095.405.434 đồng từ trước năm 2018. Theo đó số liệu so sánh của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 được điều chỉnh cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12Số 57, Đường Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân
Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch (*)
		VND	VND	VND
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ				
Chi phí khác	32	3.502.496.735	407.091.301	(3.095.405.434)
Lợi nhuận khác	40	(2.785.499.592)	309.905.842	3.095.405.434
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.476.790.323	7.572.195.757	3.095.405.434
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.344.522.423	6.439.927.857	3.095.405.434
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	575	1.107	532
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ				
Lợi nhuận trước thuế	01	4.476.790.323	7.572.195.757	3.095.405.434
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(135.387.525.062)	(138.482.930.496)	(3.095.405.434)



Vũ Nam Hà
Người lập



Lê Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Lê Phùng Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2021

